

Số: 16/2024/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 29 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cơ chế cấp phát, thanh toán vốn đầu tư công
trong thực hiện các chính sách khác thuộc các chương trình
mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về cơ chế cấp phát, thanh toán vốn đầu tư công trong thực hiện các chính sách khác áp dụng cơ chế đặc thù trong hỗ trợ đầu tư cho đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, đơn vị, cá nhân và các đối tượng hưởng lợi trực tiếp trong thực hiện các chính sách khác theo cơ chế đặc thù trong lĩnh vực đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý,

tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ

1. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách theo cơ chế đặc thù được cấp có thẩm quyền quyết định thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền, theo định mức cho một số đối tượng chính sách thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia để tự thực hiện đầu tư, không quản lý theo hình thức dự án đầu tư. Tài sản hình thành sau đầu tư không là tài sản công.

Điều 4. Nội dung các chính sách hỗ trợ khác

Thuộc nội dung đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Quy định về cơ chế cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ khác

1. Việc thanh toán các chính sách hỗ trợ khác tại Điều 4 Quyết định này chỉ thực hiện một lần duy nhất bằng 100% mức hỗ trợ.

2. Tổ chức rút dự toán, thanh toán: Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cơ quan có thẩm quyền giao và các hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước để thanh toán trực tiếp bằng tiền cho đối tượng chính sách. Trường hợp sau 30 ngày rút dự toán chưa hoàn thành thanh toán cho đối tượng chính sách, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp lại Kho bạc Nhà nước số tiền chưa được thanh toán.

3. Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ (01 bộ gửi Kho bạc Nhà nước để rút dự toán thanh toán cho đối tượng chính sách; 01 bộ lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã) bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán theo Mẫu số 02; bảng kê danh sách các đối tượng chính sách và mức hỗ trợ cho hộ gia đình (có ký xác nhận của đối tượng chính sách, hoặc người được đối tượng chính sách ủy quyền, hoặc chủ hộ gia đình) theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền giao; danh sách các đối tượng chính sách được hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm: Sổ theo dõi tiến độ thực hiện của đối tượng chính sách từ thời điểm hỗ trợ đến thời điểm hoàn thành thanh toán, quyết toán vốn hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; biên bản xác nhận kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành giữa Ban quản lý xã và từng đối tượng chính sách theo Mẫu số 01 kèm theo

Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành; hồ sơ thanh toán; danh sách đối tượng chính sách ký nhận tiền hỗ trợ và chứng từ xác nhận việc thanh toán.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Kho bạc Nhà nước Trà Vinh: Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi hồ sơ đủ điều kiện và đúng thời gian quy định của pháp luật hiện hành; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về tạm ứng, thu hồi vốn tạm ứng; thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho đối tượng chính sách theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức triển khai việc cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ cho đối tượng chính sách, hỗ trợ khác thuộc nội dung của chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

b) Lập hồ sơ theo dõi tiến độ thực hiện chính sách và hồ sơ thanh toán cho đối tượng chính sách theo đúng quy định tại Điều 5 Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

c) Thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng, an toàn lao động, môi trường xây dựng, chi phí quản lý đầu tư xây dựng công trình.

d) Quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ cho đối tượng chính sách, hỗ trợ khác thuộc nội dung của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định.

5. Các cơ quan có liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch trong việc quản lý, cấp phát, thanh toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, hỗ trợ khác thuộc nội dung chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 8 năm 2024.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc

triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Tài chính kịp thời tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng